

Số: 728/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 20 tháng 4 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH ống thép Minh Phú ngày 03 tháng 3 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 288/TTr-STNMT ngày 18 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH ống thép Minh Phú địa chỉ tại Lô CN13, Khu công nghiệp Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất ống thép Minh Phú tại Lô CN13, Khu công nghiệp Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất ống thép Minh Phú.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN13, Khu công nghiệp Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801352331 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/03/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/9/2021; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2164468782 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26/4/2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2021.

1.4. Mã số thuế: 0801352331.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm ống hộp thép các loại và các sản phẩm gia công cơ khí từ tôn cuộn, tôn cuộn mạ kẽm.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích đất: 25.700 m².

- Công suất:

+ Sản xuất sản phẩm ống hộp thép các loại: 200.000 tấn/năm.

+ Sản xuất các sản phẩm gia công cơ khí từ tôn cuộn và tôn cuộn mạ kẽm: 150.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này .

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH ống thép Minh Phú:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH ống thép Minh Phú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường

này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH ống thép Minh Phú;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban quản lý các KCN tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 728/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh tại dự án sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Trường. Nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án không xả ra môi trường).

- Ký hợp đồng thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ dự án với Công ty cổ phần Nam Quang (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Trường và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn vệ sinh theo đường ống DN110, dài 32m đi vào bể phốt để xử lý sơ bộ; nước thải từ các bồn rửa tay chân theo đường ống DN90, dài 55m đi vào hồ ga cuối cùng cùng với nước thải từ bể phốt.

+ Nước thải từ bể phốt nhà vệ sinh công nhân số 1 theo đường ống uPVC D200; $i=0,6\%$; dài 137,8m dẫn về hố ga T1-1.

+ Nước thải từ bể phốt nhà vệ sinh công nhân số 2 được dẫn vào hố bơm $V=7m^3$. Nước từ hố bơm được bơm công suất $5m^3/h$ bơm theo đường ống uPVC D200, dài 73m về hố ga T1-1.

+ Nước thải từ bể phốt nhà bảo vệ số 1 theo ống uPVC D160; $i=0,6\%$; dài 28,8m tự chảy về hố ga T1-1.

+ Nước thải từ bể phốt nhà bảo vệ số 2 theo ống uPVC D200; $i=0,6\%$; dài 38,7m tự chảy vào hố ga T1-1.

+ Nước từ hố ga T1-1 theo đường ống uPVC D300; $i=0,6\%$; dài 15,4m đầu nối vào hệ thống thu gom của KCN Tân Trường.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Dầu làm mát: trong quá trình làm mát dầu phát sinh cặn, định kỳ 1 năm/lần Công ty tiến hành lọc cặn. Dầu sau lọc được sử dụng tuần hoàn lại 100%, cặn được thu gom như chất thải nguy hại.

+ Dầu làm mát được thu gom từ mương thoát kích thước 0,9m x 0,8m x 145m, trong đó chứa các đường ống dẫn dầu làm mát vào bể công nghệ đặt giáp nhà xưởng về phía Nam; dạng bể ngầm; kích thước bể 11m x 4,5m x 3,2m = 158,4m³. Bể được chia làm 3 ngăn nhằm giảm nhiệt độ của dầu làm mát và đưa vào sử dụng tuần hoàn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể phốt 3 ngăn, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Tân Trường.

- Thông số kỹ thuật: Bể phốt nhà vệ sinh công nhân số 1: 10m³ (4m x 1,5m x 1,7m); Bể phốt nhà vệ sinh công nhân số 2: 10m³ (4m x 1,5m x 1,7m); Bể phốt nhà bảo vệ số 1: 3m³ (2,4m x 1m x 1,5m); Bể phốt nhà bảo vệ số 2: 3m³ (2,4m x 1m x 1,5m); Hố bơm: 7m³ (1,5m x 1,5m x 3,2m); Bơm nước thải: công suất 5m³/h, H=10m, số lượng 02 chiếc.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ theo khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì công trình xử lý nước thải của dự án không phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo hợp đồng xử lý nước thải với Công ty cổ phần Nam Quang (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Trường và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN); không được phép xả nước thải ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Trường để tiếp tục xử lý.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 728/GPMT-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn phát sinh: Bụi phát sinh sau hệ thống thu hồi và xử lý bụi từ máy cắt.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý ra môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X(m): 2314720, Y(m): 574869.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải gián đoạn 16/24h.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT mức B, giá trị C_{\max} với $K_p=1,0$; $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không tiến hành quan trắc
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Bụi phát sinh từ khu vực máy cắt: Bụi từ máy cắt thu gom bằng các đường ống D400 mạ kẽm tròn xoắn 0,5mm dài 48m; ống D300 tôn mạ kẽm tròn xoắn 0,55mm dài 30m; ống D150 tôn mạ kẽm tròn xoắn 0,55m dài 36m và được quạt hút dẫn vào thiết bị thu hồi và rũ bụi. Khí thải sau xử lý thoát ra ngoài môi trường qua ống thải mạ kẽm tròn D400, cao 8m.

- Khí nóng phát sinh từ khu vực máy hàn: Khí nóng từ máy hàn được thu gom qua phễu gom kích thước 500*500mm - D100 - H200 và được quạt hút hút

vào đường ống D350 mạ kẽm tròn xoắn 0,5mm dài 48m; ống D300 tôn mạ kẽm tròn xoắn 0,55mm dài 30m; ống D150 tôn mạ kẽm tròn xoắn 0,55mm dài 36m. Sau đó theo đường ống thải mạ kẽm tròn D350, cao 3m thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

* Công trình, thiết bị xử lý bụi khu vực máy cắt: Lắp đặt 01 thiết bị thu hồi và rũ bụi cho khu vực máy cắt.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi → Phễu thu → Đường ống dẫn → Quạt hút → Thiết bị thu hồi và rũ bụi → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật:

+ Hệ thống đường ống hút bụi: ống D400 mạ kẽm tròn xoắn 0,5mm dài 48m; ống D300 tôn mạ kẽm tròn xoắn 0,55mm dài 30m; ống D150 tôn mạ kẽm tròn xoắn 0,55mm dài 36m.

+ Thùng chứa bụi D600*600mm: số lượng 9 cái.

+ Túi lọc bụi túi vải D165x2000mm; tiết diện lọc bụi 1,2m².

+ Hệ thống rũ bụi: bình tích áp D220x2.100mm; bộ lọc nén khí đầu vào; van xả bụi 1,5kW.

+ Quạt hút ly tâm gián tiếp DOBACO: model DBH – CFB-7; lưu lượng quạt Q= 8.000m³/h; áp suất quạt H = 2.200 - 2.600pa; P/V/Hz = 3/380/50; P=11kW; số lượng 01 chiếc.

+ Ống thải: ống mạ kẽm tròn D400, cao 8m, số lượng 01 ống.

- Hoá chất: Không sử dụng.

* Công trình, thiết bị thu hồi khí nóng từ máy hàn: Lắp đặt 01 hệ thống thu hồi khí nóng từ máy hàn.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Hơi nóng → Phễu gom → Đường ống dẫn → Quạt hút → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/h.

- Thông số kỹ thuật:

+ Hệ thống đường ống: ống D350 mạ kẽm tròn xoắn 0,5mm dài 48m; ống D300 tôn mạ kẽm tròn xoắn 0,55mm dài 30m; ống D150 tôn mạ kẽm tròn xoắn 0,55mm dài 36m.

+ Phễu gom 500*500mm - D100 - H200: số lượng 9 cái.

+ Quạt hút ly tâm trực tiếp: model DBH-HF - 6; lưu lượng quạt $Q=8.000\text{m}^3/\text{h}$; áp suất quạt $H = 1.650 - 2.000\text{pa}$; $P/V/\text{Hz} = 3/380/50$; $P= 7,5\text{kW}$; số lượng 01 chiếc.

+ Ống thải: ống mạ kẽm tròn D350, cao 3m.

- Hoá chất: Không sử dụng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị quạt hút, hệ thống đường ống.

+ Đào tạo nhân viên vận hành.

+ Giáo dục tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường và tập huấn phòng chống ứng cứu sự cố rủi ro cho cán bộ, công nhân viên của nhà máy.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng: Quạt hút $P = 11 \text{ kW}/\text{chiếc}$, lưu lượng $8.000\text{m}^3/\text{h}$.

- Biện pháp ứng phó:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố.

+ Nhân viên vận hành hệ thống thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị.

+ Kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm tối đa trong vòng 06 tháng kể từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu khí thải từ ống thoát của hệ thống thu hồi và xử lý bụi máy cắt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- 03 ngày liên tiếp trong toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm với tần suất 01 ngày/lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến UBND tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của nhà máy.

3.7. Công ty TNHH ống thép Minh Phú chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 728/GPMT-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động xả băng, hoạt động sản xuất ống.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Toạ độ (Theo hệ toạ độ VN2.000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰):

- Khu vực xả băng: X(m): 2314757; Y(m): 574714.

- Khu vực sản xuất ống: X(m): 2314742; Y(m): 574789.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nhà xưởng sản xuất được xây tường kín bằng vật liệu cách âm hoặc tạo độ nhám cho tường 2 phía Tây và phía Nam dự án.

- Trồng cây xanh có tán rộng để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh tại tường 2 phía giáp khu dân cư.

- Xây dựng tường rào đặc dày trên 20cm, cao 3m ở những vị trí tiếp xúc

dân cư được phép xây dựng tường đặc.

- Bố trí các khu vực phát sinh tiếng ồn như xả băng, cắt ống vào giữa nhà xưởng để tránh ảnh hưởng tối đa tới khu dân cư.

- Đối với hoạt động cắt ống: Ưu tiên lập kế hoạch sản xuất đối với các loại ống có độ dày vào ban ngày để giảm thiểu tối đa tiếng ồn.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thiết bị máy móc, lắp đặt các tấm đệm cao su ở chân đế khi đặt các dây chuyền sản xuất. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 1-2 lần/năm.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, quần áo lao động...) cho công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

- Trồng cây xanh thảm cỏ trong khu vực Công ty với tỷ lệ 20,7% để cải thiện chất lượng môi trường không khí (giảm độ ồn, giảm bụi...), góp phần cải thiện vi khí hậu.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 728/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	2.000
2	Giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	500
3	Phoi, mặt sắt dính dầu mỡ, cặn kim loại trong dầu làm mát	07 03 11	1.400
4	Xỉ hàn	07 04 02	35
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	300
6	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	30
	Tổng		4.265

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phoi sắt, mặt sắt, vẩy sắt, đai thép	19 03 03	698.600
2	Palet gỗ	18 01 07	200
3	Bao bì carton hỏng, rách	18 01 05	250
4	Bao bì nhựa, nilon	18 01 06	50
5	Bùn từ hệ thống thu gom nước mưa	12 06 10	12.000
	Tổng		711.100

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 21,528 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 6 thùng chứa loại 120 lít/thùng, bên ngoài dán nhãn mã chất thải nguy hại, cảnh báo và trang bị 03 khay chứa dầu thải kích thước 1,2m x 1,2m x 0,5m.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 24,7m².

Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kết cấu nhà khung thép, tường khung tôn, mái che, có cửa ra vào kiểm soát.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu: trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 7 thùng chứa kích thước 1.650 x 1.650 x 1.700mm tại các chuyên sản xuất để thu gom bavia, đầu mẫu kim loại phát sinh.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 50m² trong góc nhà xưởng để chứa chất thải sản xuất như pallet gỗ, bao bì carton hỏng, rách.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyên giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 10 thùng loại 10 lít/thùng tại nhà xưởng.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí 06 thùng loại 120 lít/thùng, có nắp đậy, có bánh xe di chuyển để thu gom rác thải sinh hoạt.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyên giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 728/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.